

# BỘ KINH TRUNG A HÀM

## 01. PHẨM BẢY PHÁP

### Mục Lục:

|                              |    |
|------------------------------|----|
| 1. Kinh Thiện Pháp.....      | 2  |
| 2. Kinh Trú Đạc Thọ.....     | 10 |
| 3. Kinh Thành Dụ .....       | 15 |
| 4. Kinh Thủy Dụ .....        | 28 |
| 5. Kinh Mộc Tích Dụ.....     | 37 |
| 6. Kinh Thiện Nhân Vãng..... | 54 |
| 7. Kinh Thế Gian Phước ..... | 61 |
| 8. Kinh Thất Nhật .....      | 68 |
| 9. Kinh Thất Xa.....         | 78 |
| 10. Kinh Lộ Tận.....         | 94 |

# 1. Kinh Thiện Pháp

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Thế Tôn du hóa tại nước Xá-vệ, ở trong Thắng lâm vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Nếu có Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp tất được hoan hỷ an lạc trong pháp Hiền thánh, thăng tiến đến lậu tận. Bảy pháp đó là gì? Đó là biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết tiết độ, biết mình, biết chúng hội và biết sự hơn kém của người.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo biết pháp? Nghĩa là Tỳ-kheo biết chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thủ thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tăng hữu và thuyết nghĩa. Ấy là Tỳ-kheo biết pháp. Nếu Tỳ-kheo không biết pháp, tức không biết chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thủ thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tăng hữu và

thuyết nghĩa. Tỳ-kheo như vậy là không biết pháp. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết rõ pháp, đó là biết chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thủ thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tăng hữu và thuyết nghĩa. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ pháp.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo biết nghĩa? Nghĩa là Tỳ-kheo biết nghĩa của giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này. Đó là Tỳ-kheo biết nghĩa. Nếu Tỳ-kheo không biết nghĩa tức là Tỳ-kheo không biết nghĩa của giáo thuyết này hay giáo thuyết kia; không biết điều này có nghĩa như thế kia, điều kia có nghĩa như thế này. Tỳ-kheo như vậy là không biết nghĩa. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết rõ nghĩa, đó là biết nghĩa của giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này. Đó là Tỳ-kheo khéo biết rõ nghĩa.

**“Thế nào gọi là Tỳ-kheo biết thời? Đó là Tỳ-kheo biết thời nào nên tu phương pháp thấp, thời nào nên tu phương pháp cao, thời nào nên tu phương pháp xả. Ấy là Tỳ-kheo biết thời. Nếu có Tỳ-kheo không biết thời tức là không biết thời nào nên tu phương pháp thấp, thời nào nên tu phương pháp cao, thời nào nên tu phương pháp xả. Tỳ-kheo như vậy là không biết thời. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết rõ thời, đó là biết thời nào nên tu phương pháp thấp, thời nào nên tu phương pháp cao, thời nào nên tu phương pháp xả. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ thời.**

**“Thế nào là Tỳ-kheo biết tiết độ? Đó là Tỳ-kheo biết tiết độ trong việc ăn, uống, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chánh trí. Ấy là Tỳ-kheo biết tiết độ. Nếu có Tỳ-kheo không biết tiết độ tức là Tỳ-kheo không biết tiết độ trong việc ăn, uống, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, đại tiểu tiện, giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chánh trí. Tỳ-kheo như vậy là không biết tiết độ.**

**Nếu có Tỳ-kheo khéo biết rõ sự tiết độ, đó là biết tiết độ trong việc ăn, uống, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chánh trí. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ sự tiết độ.**

**“Thế nào là Tỳ-kheo biết mình? Tỳ-kheo tự biết mình có mức độ ấy tín, giới thí, tuệ, biện, a-hàm và sở đắc. Tỳ-kheo như vậy là biết mình. Nếu có Tỳ-kheo không biết mình tức là không tự biết mình có mức độ ấy tín, giới, văn, thí, tuệ, biện, a-hàm và sở đắc. Tỳ-kheo như vậy là không biết mình. Nếu có Tỳ-kheo khéo tự biết rõ mình, đó là biết mình có mức độ ấy tín, giới thí, tuệ, biện, a-hàm và sở đắc. Tỳ-kheo như vậy là khéo biết rõ mình.**

**“Thế nào là Tỳ-kheo biết chúng hội? Tỳ-kheo biết đây là chúng hội Sát-lợi, đây là Phạm chí, đây là chúng hội Cư sĩ, đây là chúng hội Sa-môn. Ở nơi các chúng hội ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy. Ấy là Tỳ-kheo biết chúng hội. Nếu có Tỳ-kheo không biết**

chúng hội tức là không biết đây là chúng hội Sát-lợi, đây là chúng hội Phạm chí, đây là chúng hội Cư sĩ, đây là chúng hội Sa-môn. Ở nơi các chúng hội ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy. Tỳ-kheo như vậy là không biết chúng hội. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết rõ chúng hội, đó là biết đây là chúng hội Sát-lợi, đây là Phạm chí, đây là chúng hội Cư sĩ, đây là chúng hội Sa-môn. Ở nơi các chúng hội ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ chúng hội.

“Thế nào là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người? Đó là Tỳ-kheo biết có hai hạng người: có tín và có bất tín, người có tín là hơn, người bất tín là kém. Người có tín lại có hai hạng: Thường đến gặp Tỳ-kheo và không thường đến gặp Tỳ-kheo. Người đến gặp thấy Tỳ-kheo là hơn, người không thường đến gặp Tỳ-kheo là kém. Người thường đến gặp Tỳ-kheo lại có hai hạng: có lễ kính và không lễ

kính. Người có lễ kính là hơn; người không lễ kính là kém. Người có lễ kính lại có hai hạng: có hỏi kinh và không hỏi kinh. Người có hỏi kinh là hơn, người không hỏi kinh là kém. Người có hỏi kinh lại có hai hạng: nhất tâm nghe kinh và không nhất tâm nghe kinh. Người nhất tâm nghe kinh là hơn, người không nhất tâm nghe kinh là kém. Người nhất tâm nghe kinh có hai hạng: nghe rồi thọ trì pháp và nghe rồi không thọ trì pháp. Người nghe rồi thọ trì pháp là hơn, người nghe rồi không thọ trì pháp là kém. Người nghe rồi thọ trì pháp lại có hai hạng: nghe pháp có quán sát nghĩa và nghe pháp không quán sát nghĩa. Người nghe pháp có quán sát nghĩa là hơn, người nghe pháp không quán sát nghĩa là kém. Hạng nghe pháp quán sát nghĩa lại có hai: biết pháp, biết nghĩa, hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp; và hạng không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp và thực hành đúng như pháp. Người biết pháp, biết

nghĩa, hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp là hơn; người không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng về pháp và thứ pháp, không tùy thuận pháp, không thực hành đúng như pháp là thấp kém. Hạng biết pháp, biết nghĩa, hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành như pháp lại có hai hạng: Tự làm ích lợi cho mình và cũng làm ích lợi cho người khác, làm ích lợi cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa và lợi, an ổn khoái lạc cho trời và người; và hạng không tự làm lợi ích cho mình và cũng không làm lợi ích cho người, không xót thương thế gian không cầu nghĩa và lợi, an ổn khoái lạc cho trời và người. Nếu người nào tự làm lợi ích, cũng làm lợi ích cho người, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa và lợi, an ổn và khoái lạc cho trời người. Người ấy là bậc nhất là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu giữa mọi người khác. Ví như từ bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sinh tô, từ sinh tô có thực tô, từ thực tô

**có tô tinh. Tô tinh là thứ bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu đối với những loại kia. Cũng vậy, nếu người nào tự làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa và lợi, an ổn khoái lạc cho trời người, thì trong hai hạng người như trên đã nói, đã phân biệt, đã thi thiết, người ấy là bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu. Ấy là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người.**

**Phật thuyết như vậy. Các vị Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.**

## 2. Kinh Trú Đạc Thọ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở tại Thắng lâm trong vườn Cấp cô độc.

Lúc bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu lá cây Trú đặc Tam thập tam thiên úa vàng, lúc đó thiên chúng ở Tam thập thiên vui mừng hơn hờ, cho rằng lá cây Trú đặc chẳng bao lâu nữa sẽ rụng. Rồi thì lá cây ở Tam thập tam thiên đã rụng. Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên vui mừng hơn hờ cho rằng lá cây Trú đặc chẳng bao lâu nữa sẽ mọc lại. Rồi thì lá cây Trú đặc ở Tam thập tam thiên đã mọc lại, lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên vui mừng hơn hờ cho rằng cây Trú đặc chẳng bao lâu nữa sẽ kết ra mạng lưới. Rồi thì cây Trú đặc ở Tam thập tam thiên đã kết mạng lưới.

Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên vui mừng hơn hờ cho rằng cây Trú đặc chẳng bao lâu nữa sẽ nở nụ giống như mỏ chim. Rồi

thì cây Trú đặc ở Tam thập tam thiên đã nở nụ giống như mỏ chim. Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên cho rằng cây Trú đặc chẳng bao lâu nữa sẽ nở hoa giống như cái bát. Rồi thì cây Trú đặc ở Tam thập tam thiên đã nở hoa như cái bát. Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên hớn hở cho rằng cây Trú đặc chẳng bao lâu hoa sẽ nở tròn trịa. Nếu cây Trú đặc nở hoa tròn trịa thì nó chiếu ra ánh sáng, màu sắc và tỏa ra mùi thơm trong chu vi trăm do-diên. Lúc bấy giờ vào tháng tư mùa hạ, các vị Tam thập tam thiên vui đùa với năm món dục lạc cõi trời. Đó là Tam thập tam thiên tập trung dưới cây Trú đặc mà hưởng thọ sự hoan lạc.

“Theo ý nghĩa như thế, vị Thánh đệ tử cũng vậy. Khi suy nghĩ đến việc xuất gia, lúc đó vị Thánh đệ tử như là chiếc lá úa vàng, cũng giống như lá cây Trú đặc ở cõi Tam thập tam thiên vàng úa.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với chí tín, từ bỏ gia đình,

sống không gia đình, học đạo; lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là lá rụng, như lá cây Trú đặc ở Tam thập tam thiên rụng xuống.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ và lạc phát sinh do viễn ly, thành tựu và an trụ Sơ thiên; lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là sanh trở lại như lá cây ở Tam thập tam thiên sanh trở lại.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử giác và quán đã dứt, nội tâm tịch tịnh, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh thành tựu và an trụ Nhị thiên. Lúc đó Thánh đệ tử được gọi là sanh màng lưới như cây Trú đặc ở Tam thập tam thiên sanh mạng lưới.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử lìa hỷ dục, an trụ xả, vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là được xả bởi Thánh, có niệm và lạc, an trụ không, thành tựu an trụ Tam thiên. Lúc đó Thánh đệ tử được gọi là nở nụ như mỏ chim, cũng như

cây Trú đặc ở Tam thập tam thiên nở nụ như mỏ chim.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ; ưu và hỷ từ trước cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả và niệm thanh tịnh thành tựu an trụ Tứ thiền. Vị Thánh đệ tử lúc đó được gọi là nở hoa như cái bát vậy. cũng như cây Trú đặc ở Tam thập tam thiên nở hoa như cái bát.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử các lậu đã tận, tâm giải thoát, tuệ giải thoát ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ; vị ấy biết một cách như thật rằng ‘Sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa’. Lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là hoa nở tròn trịa, cũng giống như cây Trú đặc ở Tam thập tam thiên nở hoa tròn trịa. Đó là vị Tỳ-kheo lậu tận A-la-hán, được Tam thập tam thiên tập hội tại chánh điện Thiện pháp hỏi han khen ngợi rằng: ‘Vị Thánh đệ tử tôn quý đó, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia

**đình, sống không gia đình, học đạo, các lậu đã hết, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết một cách như thật rằng, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Đó là sự tập hội của các A-la-hán lậu tận, như Tam thập tam thiên cùng tập hội dưới cây Trú đặc vậy".**

**Phật thuyết như vậy, các vị Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.**

### 3. Kinh Thành Dự

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hành nước Xá-vệ, ở trong Thắng lâm vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Như Vương thành ở biên giới có bảy việc đầy đủ và bốn thứ lương thực sung túc dễ tìm không khó; do đó Vương thành không bị ngoại địch đánh phá, ngoại trừ tự phá hoại từ bên trong.

“Những gì là bảy việc mà Vương thành có đầy đủ? Đó là Vương thành ở biên giới xây cất vọng gác, đắp đất cho chắc không thể phá vỡ, để bên trong được an ổn, chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ nhất của Vương thành.

“Lại nữa, Vương thành ở biên giới, đào hào vét ao cho thật sâu rộng, sửa sang cụ bị để có thể nương tựa, làm cho bên trong được

an ổn, chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ hai của Vương thành.

“Lại nữa, như đường giao thông chung quanh Vương thành ở biên giới được dọn dẹp cho bằng phẳng, rộng rãi, để bên trong được an ổn, chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc làm đầy đủ thứ ba của Vương thành.

“Lại nữa, như ở Vương thành biên giới tập trung bốn binh quân: quân voi, quân ngựa, quân xe, quân bộ, để bên trong được an ổn, chế ngự oán địch bên ngoài, đó là việc làm đầy đủ thứ tư của Vương thành.

“Lại nữa, như Vương thành ở biên giới dự bị binh khí, cung, tên, mâu, kích, để bên trong được an ổn, chế ngự oán địch ở bên ngoài. Đó là việc làm đầy đủ thứ năm của Vương thành.

“Lại nữa, như Vương thành ở biên giới lập vị Đại tướng trấn thủ, sáng suốt, thao lược, cơ trí, tháo vác, dũng mãnh, cương nghị, giỏi mưu chước, người lành thì cho vào, kẻ không lương thiện thì ngăn cấm, để bên

trong được an ổn, chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc làm đầy đủ thứ sáu của Vương thành.

“Lại nữa, như Vương thành ở biên giới xây đắp tường cao cho thật kiên cố, trét bùn, tô đất, để bên trong được an ổn, chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc làm đầy đủ thứ bảy của Vương thành.

“Bốn thứ lương thực dễ tìm không khó là gì? Đó là Vương thành ở biên giới nước, cỏ, củi, gỗ có sẵn, có dự bị để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ nhất sung túc, dễ tìm không khó ở Vương thành.

“Lại nữa, như Vương thành ở biên giới thu nạp nhiều lúa gạo và chứa cất lúa mạch, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch ở bên ngoài. Đó là loại lương thực đầy đủ, dễ kiếm không khó ở Vương thành.

“Lại nữa, như Vương thành ở biên giới chứa nhiều đậu niêm, đại đậu, tiểu đậu để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch

bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ ba sung túc, dễ tìm không khó ở Vương thành.

“Lại nữa, như Vương thành ở biên giới, chứa để dầu bơ, mật, mía đường, cá, muối, thịt khô, tất cả đầy đủ, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ tư sung túc, dễ tìm không khó ở Vương thành.

“Như vậy, Vương thành bảy việc đầy đủ, bốn thứ lương thực sung túc, dễ tìm không khó, nên không bị ngoại địch đánh phá, chỉ trừ bên trong tự phá hoại.

“Cũng vậy, nếu Thánh đệ tử cũng được bảy thiện pháp và bốn tăng thượng tâm, dễ được không khó, vì thế Thánh đệ tử không bị ma vương lung lạc cũng không theo pháp ác bất thiện, không bị ô nhiễm bởi phiền não, không còn thọ sanh trở lại.

“Bảy thiện pháp mà Thánh đệ tử có được là những gì? Đó là Thánh đệ tử có tín kiên cố, tin sâu nơi Như Lai, tín căn đã vững, trọn không tin theo Sa-môn, Phạm chí, ngoại đạo,

cũng như Thiên ma, Phạm thiên, và các hạng thể gian khác. Đó là Thánh đệ tử được thiện pháp thứ nhất.

“Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành tầm sĩ, điều đáng xấu hổ thì biết xấu hổ, xấu hổ pháp ác bất thiện, phiền não ô ế, là thứ khiến thọ các ác báo, gây nên gốc rễ sanh tử. Đó là thiện pháp thứ hai mà Thánh đệ tử có được.

“Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành xấu thẹn, điều đáng xấu thẹn biết xấu thẹn, xấu thẹn pháp ác bất thiện, phiền não ô uế là thứ khiến thọ các ác báo, tạo gốc sanh tử. Đó là thiện pháp thứ ba mà Thánh đệ tử có được.

“Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành tinh tiến, đoạn trừ các ác bất thiện pháp, tu các thiện pháp, luôn gắng sức bền chí, chuyên nhất kiên cố, làm các điều thiện, không bỏ phương tiện. Đó là thiện pháp thứ tư mà Thánh đệ tử có được.

“Lại nữa, Thánh đệ tử học rộng nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự học

rộng. Các pháp nào là toàn thiện ở khoảng đầu, toàn thiện ở khoảng giữa, toàn thiện ở khoảng cuối, có nghĩa có văn, thanh tịnh trọn đủ, phạm hạnh hiển hiện, học rộng nghe nhiều các pháp như vậy; học đến cả ngàn lần, chú ý chuyên tâm quán sát, thấy rõ hiểu sâu. Đó là thiện pháp thứ năm mà Thánh đệ tử có được.

“Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành nơi niệm, thành tựu chánh niệm; những điều đã học tập từ lâu, đã từng nghe từ lâu, nhớ luôn không quên. Đó là thiện pháp thứ sáu mà Thánh đệ tử có được.

“Lại nữa, Thánh đệ tử tu hành trí tuệ, quán sát pháp hưng suy. Do có trí như vậy, có thánh tuệ, có sự thấu hiểu, phân biệt rõ ràng, mà diệt tận hoàn toàn sự khổ. Đó là thiện pháp thứ bảy mà Thánh đệ tử có được.

“Những gì là bốn tầng thượng tâm, dễ được không khó mà Thánh đệ tử đạt được? Đó là Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ và lạc phát sinh do viễn

ly, thành tựu và an trụ Sơ thiên. Đó là tầng thượng tâm thứ nhất dễ được không khó mà Thánh đệ tử đạt đến.

“Lại nữa, Thánh đệ tử giác và quán đã dứt, nội tâm tịch tịnh, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh thành tựu và an trụ Nhị thiên. Đó là tầng thượng tâm thứ hai dễ được không khó mà Thánh đệ tử đạt đến.

“Lại nữa, Thánh đệ tử lìa hỷ dục, an trụ xả, vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà Thánh gọi là được xả bởi Thánh, có niệm và lạc, an trụ không, thành tựu an trụ tâm. Đó là tầng thượng tâm thứ ba dễ được không khó mà Thánh đệ tử đạt đến.

“Lại nữa, Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ; ưu và hỷ từ trước cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả và niệm thanh tịnh thành tựu an trụ Tứ thiên. Đó là tầng thượng tâm thứ tư dễ được không khó mà Thánh đệ tử đạt đến.

“Như vậy, Thánh đệ tử được bảy thiện pháp, đạt đến bốn tâm tầng thượng dễ được

không khó, không bị ma vương lung lạc, cũng không theo pháp ác bất thiện, không bị nhiễm bởi nhiễm ô, không còn thọ sanh trở lại.

“Như Vương thành ở biên giới xây cất vọng gác, đắp đất cho chắc không thể phá vỡ, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử có tín kiên cố, tin sâu nơi Như Lai, tín căn đã lập, trọn không theo Sa-môn, Phạm chí, Ngoại đạo, cũng như Thiên ma, Phạm thiên và các hạng thế gian khác. Đó là Thánh đệ tử có vọng gác tín tâm để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

“Như Vương thành ở biên giới đào hào vét ao thật sâu rộng, sửa sang thật vững chắc, để có thể nương tựa, làm cho bên trong được an ổn, và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng thế, Thánh đệ tử thực hành tàm si, điều đáng xấu hổ biết xấu hổ, xấu hổ pháp ác, bất thiện, phiền não ô uế, là thứ khiến thọ các ác báo, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là Thánh đệ tử có hồ

ao tà m sĩ, trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

“Như Vương thành ở biên giới dọn dẹp những con đường nối liền chung quanh cho bằng phẳng rộng rãi để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử thực hành xấu thẹn điều đáng thẹn biết thẹn, thẹn pháp ác, bất thiện, phiền não ô uế là thứ khiến thọ các ác báo, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là Thánh đệ tử có con đường bằng thẳng hỗ thẹn để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

“Như Vương thành ở biên giới tập trung bốn binh chủng: tượng quân, mã quân, xa quân, bộ quân, để bên trong được an ổn và chế ngự địch quân ở bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử thường thực hành hạnh tinh tấn, đoạn trừ ác bất thiện, tu các thiện pháp, luôn gắng sức bền chí, chuyên nhất kiên cố, làm các điều thiện, không bỏ phương tiện đoạn trừ ác bất thiện tu các thiện pháp, luôn tự khởi ý, chuyên nhất, kiên cố, làm các gốc rễ

thiện, không bỏ phương tiện. Đó là Thánh đệ tử có quân lực tinh tấn để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

“Nhu Vương thành ở biên giới, chuẩn bị binh khí, cung tên, mâu kích, để bên trong được an ổn, và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử học rộng nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự nghe rộng. Các pháp nào là toàn thiện ở khoảng đầu, toàn thiện ở khoảng giữa, toàn thiện ở khoảng cuối, có nghĩa có văn, thanh tịnh trọn đủ, phạm hạnh hiển hiện, học rộng nghe nhiều các pháp như vậy; học đến cả ngàn lần, chú ý chuyên tâm quán sát, thấy rõ hiểu sâu. Đó là Thánh đệ tử có binh khí đa văn, để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

“Nhu Vương thành ở biên giới lập vị Đại tướng trấn thủ sáng suốt, thao lược, cơ trí, tháo vác, dũng mãnh, cương nghị, giỏi mưu chước, người hiền thì cho vào, kẻ bất lương thì ngăn cấm, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ

tử thường thực hành nơi niệm, thành tựu chánh niệm, những gì đã từng thực tập từ lâu, đã từng nghe từ lâu, nhớ luôn không quên. Đó là Thánh đệ tử có Đại tướng trấn thủ niệm để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

“Như Vương thành ở biên giới xây đắp tường cao cho thật kiên cố, trét bùn tô đất, để bên trong được an ổn, và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy Thánh đệ tử tu hành trí tuệ, quán pháp hưng suy. Nhờ đó Thánh tuệ có thể thấu hiểu, phân biệt rõ ràng mà hoàn toàn diệt tận khổ. Đó là Thánh đệ tử có bức tường trí tuệ, để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

“Như Vương thành ở biên giới có chuẩn bị sẵn nước, cỏ, củi, gỗ, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử ly dục và ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do viễn ly, thành tựu an trụ Sơ thiền, lạc trụ không thiếu thốn, an ổn khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn.

**“Nhu Vương thành ở biên giới thu nạp nhiều lúa gạo và chứa nhiều cây lúa mạch, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử đã dứt giác quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, thành tựu an trụ Nhị thiền, lạc trụ không thiếu thốn, an ổn, khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn.**

**“Nhu Vương thành ở biên giới chứa nhiều niêm đậu, đại đậu, và tiểu đậu, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử lìa hỷ dục, an trụ xả, vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là được xả bởi Thánh, có niệm và lạc, an trụ không, thành tựu an trụ Tam thiền, lạc trụ không thiếu thốn, an ổn khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn.**

**“Nhu Vương thành ở biên giới chứa cất bơ, dầu, mía, đường, cá, muối, thịt khô, tất cả đầy đủ. Để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử**

**diệt lạc, diệt khổ; ưu và hỷ từ trước cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả và niệm thanh tịnh, thành tựu an trụ Tứ thiền, lạc trụ không thiếu thốn, an ổn khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn”.**

**Phật thuyết như vậy. Các Thầy Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.**

## 4. Kinh Thủy Dụ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở trong Thắng lâm vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ giảng cho các người nghe về bảy hạng người ở dưới nước. Các người hãy lắng nghe, lắng nghe, và khéo suy nghĩ”.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Đức Phật dạy:

“Những gì là bảy? Hoặc có người nằm mãi dưới nước. Hoặc có một hạng người ra khỏi nước rồi chìm trở lại. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng; đứng rồi nhìn quanh; nhìn rồi lội qua; lội qua rồi đến bờ bên kia. Hoặc lại có người ra khỏi nước rồi đứng; đứng rồi nhìn quanh; nhìn rồi lội qua;

lội qua đến bờ bên kia; đến bờ bên kia rồi được gọi là người đứng trên bờ.

“Cũng vậy, Ta sẽ giảng cho các người nghe về bảy hạng người như ví dụ về nước. Các người hãy lắng nghe, và khéo suy nghĩ”.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Phật nói:

“Những gì là bảy? Hoặc có người nằm mãi dưới nước. Hoặc có một hạng người ra khỏi nước rồi chìm trở lại. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng; đứng rồi nhìn quanh; nhìn rồi lội qua; lội qua rồi đến bờ bên kia. Hoặc lại có người ra khỏi nước rồi đứng; đứng rồi nhìn quanh; nhìn rồi lội qua; lội qua rồi đến bờ bên kia; đến bờ bên kia rồi được gọi là Phạm chí đứng trên bờ. Đó là Ta nói vắn tắt về bảy hạng người theo ví dụ về nước. Như đã nói, đã giảng giải trên, các

ngươi có biết ý nghĩa gì? Phân biệt gì? Có nhân duyên gì?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Thế Tôn là gốc của pháp. Thế Tôn là Pháp chủ, pháp do Thế Tôn. Kính mong Thế Tôn nói ra, để chúng con sau khi nghe rồi sẽ hiểu biết rộng rãi ý nghĩa”.

Phật dạy:

“Các ngươi hãy lắng nghe, lắng nghe, và khéo suy nghĩ. Ta sẽ phân biệt ý nghĩa ấy cho các ngươi”.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Phật nói:

“Thế nào là hạng người nằm mãi? Hoặc có những người bị pháp bất thiện che lấp, bị nhiễm bởi nhiễm ô, thọ quả báo của ác pháp, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là hạng người nằm mãi dưới nước. Cũng như người chìm lìm, nằm luôn dưới nước, Ta nói người kia cũng giống như vậy. Đó là hạng người thứ nhất của ví

dụ về nước, thế gian quả thực có hạng người như vậy.

“Thế nào là hạng người ra khỏi nước rồi chìm lại? Đó là người đã làm trôi lên tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người ấy sau đó lại mất tín tâm, không kiên cố, mất sự trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, không kiên cố. Đó là hạng người ra rồi chìm lại. Như người chìm trong nước, đã ra được rồi lại chìm. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ hai của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

“Thế nào là hạng người ra rồi đứng? Đó là người đã trôi tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn kiên cố, chắc chắn không mất, trì giới, bố thí đa văn, trí tuệ đều kiên cố, không mất. Đó là hạng người ra khỏi nước rồi đứng. Như người chìm trong nước, ra khỏi nước rồi đứng. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ

ba của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

“Thế nào là hạng người ra rồi đứng; đứng rồi nhìn quanh? Đó là người làm trôi dạt tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm kiên cố vẫn không mất, trì giới, bố thí đa văn, trí tuệ vẫn kiên cố không mất; trụ trong thiện pháp; biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo. Người kia biết như vậy, thấy như vậy, ba kiết liền dứt sạch, đó là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kiết đã dứt sạch liền chứng Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, quyết định thẳng đến chánh giác, đời sau thọ sanh tối đa bảy lần, qua lại bảy lần trong nhân gian, thiên thượng; rồi chứng đắc biên tế của sự khổ. Đó là hạng người ra rồi lại đứng, đứng rồi nhìn quanh. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ tư của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

“Thế nào là người ra rồi đứng; đứng rồi nhìn quanh; nhìn quanh rồi lội qua. Đó là người trỗi được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều đã kiên cố không mất, trú trong thiện pháp. Biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy, ba kiết liền dứt sạch. Đó là, thân kiến, giới thủ, nghi; ba kiết đã dứt sạch. Dâm, nộ, si voi mỏng. Còn phải một lần vãng lai trong nhân gian, thiên thượng. Sau khi qua lại một lần đó rồi liền chứng đắc Khổ đế. Đó là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua. Như người chìm trong nước, ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ năm của ví dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

“Thế nào là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi lội qua, qua rồi

đến bờ bên kia? Đó là người đã làm trôi dạt được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn, không mất. Trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều vẫn kiên cố, không mất, trụ trong thiện pháp. Biết như thế, thấy như thế, năm hạ phần kiết dứt sạch. Đó là tham dục, sân nhuế, thân kiến, giới thủ, nghi. Năm hạ phần kiết dứt sạch rồi, sanh vào cõi ấy, rồi nhập Niết-bàn, chứng pháp bất thối, không trở lại thế gian này nữa. Đó là người ra rồi đứng; đứng rồi nhìn quanh; nhìn rồi lội qua; lội qua rồi đến bờ bên kia. Như người chìm trong nước ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi đi qua, đi qua rồi đến bờ bên kia; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ sáu của ví dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

‘Thế nào là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi lội qua, qua rồi đến bờ bên kia. Đến bờ bên kia rồi được gọi

là người Phạm chí đứng trên bờ? Đó là người đã làm trôi dạt được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp, biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy. Tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát và biết một cách như thật rằng: Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Đó là người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi được gọi là vị Phạm chí đứng trên bờ. Như người chìm trong nước, ra rồi đứng lên, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi gọi là người đứng trên bờ; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ bảy của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

**“Ta trước có nói sẽ giảng về bảy hạng người chìm trong nước cho các người nghe. Vì vậy, Ta đã nói xong”.**

**Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết hoan hỷ phụng hành.**

## 5. Kinh Mộc Tích Dụ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở Câu-tát-la, du hành giữa nhân gian và có đại chúng Tỳ-kheo đi theo.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang đi giữa đường, chợt thấy có đồng cây lớn ở một nơi kia đang bùng cháy dữ dội. Thế Tôn thấy vậy, liền bước xuống bên đường, đi đến một cây khác, trái Ni-sư-đàn, kết già mà ngồi. Đức Thế Tôn ngồi rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy đồng cây lớn đằng kia bùng cháy không?”

Khi đó các Tỳ-kheo trả lời:

“Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy”.

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Các người nghĩ sao, với đồng cây lớn phụt cháy hùng hỷ đó mà hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm; hay là, với người con gái của dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, hay thợ thuyền,

đang độ tuổi cường thịnh, tám gôi, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa chuỗi ngọc, trang sức thân thể, hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm; việc nào vui sướng hơn?”

Lúc ấy các Tỳ-kheo thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, với đồng cây lớn đang phứt cháy hừng hẫy hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm thì rất khổ. Bạch Thế Tôn, hoặc có người con gái dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay thợ thuyền, đang độ tuổi cường thịnh, tám gôi, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa chuỗi ngọc, trang sức thân thể mà tới hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm thì rất vui sướng. Thế Tôn!”

Đức Thế Tôn bảo:

“Ta sẽ nói cho các người biết, không để cho các người Sa-môn mà lại mất đạo Sa-môn. Các người nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà ôm đồng cây lớn đang phứt cháy hừng hẫy, hoặc ngồi, hoặc nằm. Việc ấy mặc dù vì thế mà phải chịu khổ sở,

hoặc chết. Nhưng không phải do đó mà thân hoại mạng chung phải thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới và không tinh tấn, sanh ra ác pháp bất thiện; không phải là phạm hạnh mà gọi là phạm hạnh, không phải là Sa-môn mà gọi là Sa-môn, hoặc ôm người con gái dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hoặc thợ thuyền, đang độ tuổi cường thịnh, tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa chuỗi ngọc trang sức thân thể, hoặc ngồi, hoặc nằm; người ngu si kia vì vậy mà lâu dài không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp, khi thân hoại mạng chung thẳng đến cõi xấu, sanh vào địa ngục. Do đó, các người hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa, và hãy suy nghĩ như thế này: ‘Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, được sanh vào các thiện xứ để được trường thọ; tiếp nhận áo chăn, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang của người tín thí, làm cho các thí chủ được

phước đức, đại quả báo, đại quang minh. Hãy nên học như vậy”.

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các người nghĩ sao, như có lực sĩ lấy sợi dây thừng bằng lông bèn chắc cột siết bắp tay cho đến đứt da; đứt da rồi đứt thịt; đứt thịt rồi đứt gân; đứt gân rồi đứt xương; đứt xương cho tới tủy mới thôi. Hoặc nếu từ những người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay thợ thuyền mà nhận sự tín thí, rồi sờ mó thân thể, chi tiết, tay chân. Điều nào vui sướng hơn?”

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ lấy sợi dây thừng bằng lông bèn chắc cột siết bắp tay cho đến đứt da; đứt da rồi đứt thịt; đứt thịt rồi đứt gân; đứt gân rồi đứt xương; đứt xương cho tới tủy mới thôi. Rất khổ, bạch Thế Tôn, nếu từ người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền mà được cúng thí, sờ rẫm thân thể, chi tiết, tay chân; thì rất vui sướng, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo rằng:

“Ta sẽ nói cho các ngươi biết, không để cho các ngươi học Sa-môn lại mất đạo Sa-môn. Các ngươi nếu muốn thành tựu vô thượng phạm hạnh thì thà để cho lực sĩ đem sợi dây thừng bằng lông, cột siết bấp tay cho tới bút da, bút da rồi bút thịt, bút thịt rồi bút gân, bút gân rồi bút xương, bút xương tới tủy mới thôi. Việc ấy mặc dù như vậy mà các ngươi thọ khổ hoặc chết, nhưng không do đó mà thân hoại mạng chung đi đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sanh ra pháp ác và bất thiện, không phải phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn mà xưng là Sa-môn; từ người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thọ thuyên thọ nhận sự tín thí, rồi rờ rẫm thân thể, các chi tiết và tay chân. Người ngu si đó vì vậy vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp, khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Vì thế các ngươi hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Hãy suy nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo

không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh vào các thiện xứ, để được trường thọ, tiếp nhận áo chăn, đồ ẩm thực, giường nệm, thuốc thang của người tín thí, làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như vậy”.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các người nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem con dao đã mài giữa sắc bén chặt đứt ngang đùi; hay là từ nơi người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền, để thọ nhận sự tín thí, lễ bái, cung kính, đón rước; điều nào sung sướng hơn?”

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem con dao đã mài giữa sắc bén chặt đứt ngang đùi, thì rất khổ. Thế Tôn, còn từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, hay thợ thuyền để thọ nhận sự tín thí, lễ bái, cung kính, đón rước thì rất vui sướng”.

**Thế Tôn bảo rằng:**

“Ta sẽ nói cho các người biết, không để cho các người học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các người nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem dao bén đã mài giữa chặt đứt ngang đùi. Việc ấy dù do đó mà chịu sự đau khổ, hoặc chết, nhưng không vì vậy mà khi thân hoại mạng chung đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới không tinh tấn, sanh ra ác pháp bất thiện, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn; rồi từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay thợ thuyền, mà thọ nhận sự tín thí, lễ bái, cung kính, tiếp đón. Người ngu si kia vì thế vĩnh viễn không được thiện, không được nghĩa, thọ quả báo ác pháp, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Do đó, các người nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không luống

không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh đến các thiện xứ, để được trường thọ, tiếp nhận áo chần, thực phẩm, giường chiếu của người tín thí, làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang vinh lớn, nên học như vậy”.

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các người nghĩ sao? Hoặc có lực sĩ đem lá đồng sắt đốt cháy hừng hực, rồi quấn quanh thân thể; hoặc từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền, để nhận sự tín thí y phục của người; cái nào vui sướng hơn?”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem lá đồng sắt đốt cháy hừng hực rồi quấn quanh thân thể thì rất khổ. Nếu từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh tín thí, y phục của người, thì rất vui sướng”.

Thế Tôn bảo rằng:

“Ta sẽ nói các người biết, không để các người học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các

ngươi nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem lá đồng sắt đốt cháy hừng hực rồi quán quanh thân thể. Dù việc đó vì thế sẽ chịu sự khổ, nhưng không do vậy mà khi thân hoại mạng chung phải thẳng đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Nếu người ngu si, phạm giới, không tinh tấn, sanh ra pháp ác bất thiện, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn; rồi từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền thợ lãnh sự tín thí, y phục của người. Người ngu si kia, vì thế vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp. Sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Do đó, các người quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không luống không, mà có quả có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ. Nhận lãnh y phục, chăn mền, đồ ẩm thực, giường chiếu, thuốc thang của người tín thí là làm cho các thí chủ được

phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như vậy”.

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các người nghĩ sao, hoặc có lực sĩ đem kèm sắt nóng, kéo cho hả miệng ra rồi lấy viên sắt đốt cháy hừng hực quăng vào trong miệng. Viên sắt nóng đó đốt môi; đốt cháy môi rồi đốt cháy lưỡi; đốt lưỡi rồi đốt lợi; đốt lợi rồi đốt cổ; đốt cổ rồi đốt tim; đốt tim rồi đốt bao tử và ruột; đốt bao tử và ruột rồi rơi xuống dưới. Hoặc từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền, thợ nhận sự tín thí, đồ ăn, vô lượng mùi vị. Việc nào vui sướng hơn?”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem kèm sắt nóng kéo cho hả miệng, rồi lấy viên sắt đã cháy hừng hực bỏ vào miệng. Viên sắt nóng ấy đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi rơi xuống dưới. Việc ấy rất khổ, bạch Thế Tôn, nếu từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư

sĩ, thợ thuyền để lãnh thợ sự tín thí, đồ ăn, vô lượng mùi vị; việc ấy rất vui sướng”.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Ta sẽ nói cho các người biết, không để các người học Sa-môn mà để mất đạo Sa-môn. Các người nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì để lực sĩ đem kèm sắt nóng kéo cho hở miệng ra rồi đem viên sắt đã đốt cháy hừng hực quăng vào trong miệng, viên sắt nóng ấy đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi rơi xuống đất. Điều ấy dù do vậy mà phải chịu đau khổ, hoặc chết, nhưng không vì thế mà khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sanh ra ác pháp bất thiện, chẳng có phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn. Từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để nhận lãnh sự tín thí, đồ ăn, vô lượng mùi vị. Người ngu si đó vì

thế mà vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, chịu quả báo ác pháp, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Vì thế các người nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không luống không, mà có quả có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ. Nhận lãnh sự tín thí, y phục, chăn mền, đồ ẩm thực, giường chiếu, thuốc thang của người là làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như vậy”.

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các người nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem giường sắt hay đồng đốt cháy hừng hực, rồi cưỡng bức người kia phải nằm ngồi trong đó hoặc là từ các người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh sự tín thí, giường chõng hay ngọa cụ của người; việc nào vui sướng hơn?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

**“Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem giường sắt hay đồng đốt cháy hùng hực rồi cưỡng bức người kia phải nằm ngồi trên đó thì rất khổ. Bạch Thế Tôn, nếu theo các người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh sự tín thí, giường chõng, ngọc cụ của người; thì rất vui sướng”.**

**Thế Tôn bảo rằng:**

**“Ta sẽ nói cho các người biết, không để các người học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Nếu các người muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng, thì thà để cho lực sĩ đem giường đồng hay sắt đốt cháy hùng hực rồi cưỡng bức phải nằm ngồi trên đó, việc đó vì thế mà chịu sự khổ sở hoặc chết. Nhưng không vì thế mà khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sanh ra ác pháp bất thiện, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng làm Sa-môn, rồi từ những người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh sự tín thí,**

ngọa cụ, giường chõng của người; người ngu si đó vì thế vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Vì thế các người nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không, mà có quả báo, có sự an lạc vô cùng, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ. Nhận lãnh sự tín thí, áo mền, đồ ăn uống, giường nằm, thuốc thang của người là làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như vậy”.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các người nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem cái nồi lớn bằng sắt hay đồng đốt cháy hừng hực, rồi túm lấy người kia ném ngược vào trong đó; hoặc là từ các người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thọ thuyên để thọ lãnh sự tín thí, nhà cửa được tô trét đất bùn, cửa sổ và cửa

lớn kín và chặt; có lò sưởi ấm áp. Đằng nào vui sướng hơn?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem cái nồi lớn bằng sắt hay đồng đốt cháy hừng hực, rồi túm lấy người kia ném ngược vào trong đó; thế thì rất khổ. Bạch Thế Tôn, nếu từ các người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh sự tín thí, nhà cửa được tô trét đất bùn, cửa sổ và cửa lớn kín và chặt; có lò sưởi ấm áp; thế thì rất vui sướng”.

Thế Tôn bảo rằng:

“Ta sẽ nói cho các người biết, không để cho các người học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các người nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem nồi lớn bằng đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi tóm giở ngược lên quăng vào trong nồi, mặc dù vì như thế mà chịu đau khổ hoặc chết, nhưng không vì vậy mà khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn,

sanh ra ác pháp bất thiện, chẳng có phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn, rời từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ thọ thuyên để nhận lãnh sự tín thí, nhà cửa được tô trét đất bùn, cửa sổ và cửa lớn kín và chặt; có lò sưởi ấm áp của người. Người ngu si đó vì thế mà vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác, sau khi thân hoại mạng chung, thẳng đến ác xứ, hay sanh vào địa ngục. Vì thế các người nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không mà có quả có báo, có sự an lạc cùng cực, sinh đến thiện xứ, được trường thọ, nhận lãnh sự tín thí, áo mền, đồ ẩm thực, giường nệm, thuốc thang của người, là làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như thế”.

Khi dạy bài pháp này, sáu mươi vị Tỳ-kheo dứt sạch các lậu, giải thoát kiết sử. Sáu

**mười Tỳ-kheo xả giới hoàn tục. Sao vậy? Vì sự giáo huấn của Đức Thế Tôn rất sâu, rất khó, sự học đạo lại rất sâu rất khó.**

**Phật dạy như thế, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.**

## 6. Kinh Thiện Nhân Vãng

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hành tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ nói cho các người biết về bảy nơi mà bậc thiện nhân đi đến và Vô dư Niết-bàn. Các người hãy lắng nghe và hãy suy nghĩ kỹ”.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Phật dạy:

“Những gì là bảy? Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: ‘Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn’. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đốt trấu, vừa nhen đã tắt.

Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng thế, chút ít mạn chưa trừ hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chúng Trung Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc thiện nhân thứ nhất, thế gian quả thực có người như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: ‘Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn’. Sau khi đoạn, chúng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không; vừa lên liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy; còn chút mạn chưa trừ hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chúng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ hai, thế gian quả thực có người như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: ‘Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn’. Sau khi đoạn, chúng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đả trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi từ không rơi trở lại; rơi chưa đến đất liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chúng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ ba, thế gian quả thực có người như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: ‘Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn’. Sau khi đoạn, chúng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm,

hiệp hội mà không đả trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống, tới đất thì tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Sanh Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ tư, thế gian quả thực có người như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: ‘Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn’. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đả trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi

lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống trên nhúm cỏ, liền bốc khói hoặc phụt cháy; cháy hết mới tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Hành Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ năm, thế gian quả thực có người như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: ‘Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn’. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống trên nhiều đám cỏ, liền bốc khói hoặc phụt cháy, cháy hết mới tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn

chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kiết đã đoạn hết, chúng Vô hành Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ sáu, thế gian quả thực có người như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: ‘Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn’. Sau khi đoạn, chúng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống trên nhiều đám cỏ, liền bốc khói hoặc phụt cháy, cháy luôn cả thân ấp, thành quách, rừng núi, đồng nội, hoặc đến đường đi, hoặc mé nước, cho đến đất bằng thì tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chúng Thượng lưu A-ca-nị-trá

Niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ bảy, thế gian quả thực có người như vậy.

“Vô dư Niết-bàn là gì? Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: ‘Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn’. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, và đã được chứng ngộ. Ta nói rằng Tỳ-kheo kia không đi đến phía Đông, không đi đến phía Tây, Nam, Bắc, tứ duy hay thượng, hạ, mà ngay trong đời này chứng được đạo lộ tịch tĩnh, diệt độ.

“Ta đã nói về nơi đi đến của bảy bậc thiện nhân và Vô dư Niết-bàn xong. Nhân đó mà nói”.

Phật thuyết như thế. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

## 7. Kinh Thế Gian Phước

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa Câu-xá-di, ở tại vườn Cù-sa-la.

Bấy giờ vào lúc xế chiều, Tôn giả Ma-ha Châu-na, rời khỏi nơi tĩnh tọa đứng dậy, đi đến chỗ Phật; đến rồi đánh lễ, lui ngòi một bên, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, có thể thi thiết thế gian phước được chăng?”

Thế Tôn nói:

“Có thể, này Châu-na, có bảy loại phước thế gian, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Những gì là bảy?

“Này Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm cúng thí phòng xá, nhà gác cho đại chúng Tỳ-kheo. Đó là loại phước thế gian thứ nhất, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

**“Lại nữa, Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, ở trong các phòng xá, cúng thí giường nằm, đồ ngồi, đệm lông, thảm dệt, chăn len, ngọc cụ trong các phòng xá. Châu-na, đó là loại thế gian phước thứ hai, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.**

**“Lại nữa, Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, ở trong các phòng xá, cúng thí y phục mới mẻ, sạch sẽ, đẹp đẽ. Châu-na, đó là loại thế gian phước thứ ba, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.**

**“Lại nữa, Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, ở trong các phòng xá, thường xuyên cúng thí chúng tăng cháo buổi sáng, thức ăn buổi trưa, lại cung cấp người làm vườn để sai bảo; hoặc gió, mưa, tuyết, lạnh, tự mình thân đến khu vườn mà cúng thí chu cấp thêm. Các Tỳ-kheo sau khi ăn, không lo gió, mưa, tuyết lạnh khiến y phục bị ướt át, mà ngày đêm yên vui, tư duy thiền**

tọa vắng lặng. Châu-na, đó là loại thế gian phước thứ bảy, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

“Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nếu đã tạo được bảy loại phước thế gian này rồi, hoặc đi, hoặc đến, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc ngày, hoặc đêm, phước đức ấy thường xuyên phát sinh, càng lúc càng thêm, càng lúc càng rộng.

“Châu-na, ví như nước sông Hằng-già từ nguồn chảy ra, tuôn vào đại hải, ở vào khoảng giữa càng lúc càng sâu, càng lúc càng rộng. Cũng vậy, Châu-na, tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm ấy, đã tạo được bảy loại phước thế gian này rồi thì hoặc đi, hoặc đến, hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc ngày, hoặc đêm, phước đức ấy càng sinh, càng lúc càng thêm, càng lúc càng rộng”.

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Châu-na từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo bên hữu, gối phải sát đất, quỳ dài, chấp tay, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, có thể thi thiết phước xuất thế gian được chăng?”

Thế Tôn bảo rằng:

“Có thể được Châu-na, lại có bảy loại phước xuất thế gian, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Những gì là bảy? Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nghe Như Lai hoặc đệ tử Như Lai đang trú ở nơi nào đó. Sau khi nghe, liền hoan hỷ, trong lòng rất phấn khởi. Châu-na, đó là loại phước xuất thế gian thứ nhất, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

“Lại nữa, Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nghe Như Lai hoặc đệ tử Như Lai sẽ từ nơi kia đến đây, nghe rồi vui vẻ, trong lòng rất phấn khởi. Châu-na, đó là loại phước xuất thế gian thứ hai, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

“Lại nữa, Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nghe Như Lai hoặc đệ

tử Như Lai sẽ từ nơi kia đến đây, nghe rồi vui vẻ, trong lòng rất phấn khởi. Với tâm thanh tịnh, đích thân tới thăm viếng, lễ kính, cúng dường. Sau khi cúng dường, thọ pháp ba tự quy, đối với Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo mà thọ giới cấm. Châu-na, đó là loại phước xuất thế gian thứ bảy, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

“Châu-na, tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nếu tạo được bảy loại phước thế gian này và lại có bảy loại phước xuất thế gian, thì phước của người kia không thể tính được, có chừng ấy phước, có chừng ấy kết quả của phước, có chừng ấy phước báo. Chỉ có thể nói là không thể hạn, không thể lượng, và không thể biết được con số đại phước.

“Châu-na, ví như từ châu Diêm-phù có năm con sông: Một là Hằng-già, hai là Dao-vưu-a, ba là Xá-lao-phù, bốn là A-di-la-bà-đề và năm là Ma-xí, đều chảy về đại hải. Ở khoảng giữa của chúng, không thể tính được

số nước của bao nhiêu thăng hộc. Chỉ có thể nói là số nước nhiều không thể hạn, không thể lượng, và không thể biết được.

“Cũng vậy, Châu-na, tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nếu tạo được bảy loại phước thế gian này và lại có bảy loại phước xuất thế gian, thì phước của người kia không thể tính được, có chừng ấy phước, có chừng ấy kết quả của phước, có chừng ấy phước báo. Chỉ có thể nói là không thể hạn, không thể lượng, và không thể biết được con số đại phước”.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài tụng rằng:

*Con sông Hằng-già*

*Trong sạch, dễ qua.*

*Biển nhiều báu quý,*

*Là vua các sông.*

*Cũng như nước sông,*

*Người đời kính phụng;*

*Mọi nơi chảy về,*

*Tuôn về biển cả.  
Cũng vậy, người nào  
Cúng y, thực phẩm,  
Giường chõng, đệm chăn,  
Và những tọa cụ;  
Phước báo không lường,  
Đưa đến cõi lành,  
Cũng như nước sông  
Tuôn về biển rộng.*

**Phật thuyết như vậy. Tôn giả Ma-ha  
Châu-na và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật  
thuyết, hoan hỷ phụng hành.**

## 8. Kinh Thất Nhật

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Bê-xá-li, trong rừng cây Nại thị.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải ghê sợ nhàm tởm, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát. Vì sao thế, vì có lúc không mưa. Ngay khi không mưa ấy tất cả cây cối, trăm thứ lúa, thảy đều khô héo, đổ nát, chết cả, không thể thường trụ. Vì thế tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhàm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

“Lại nữa, có lúc hai mặt trời cùng xuất hiện. Khi hai mặt trời xuất hiện, các rãnh ngòi, sông lạch, thảy đều khô cạn, không thể thường trụ. Vì thế tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng thay đổi, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhàm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

“Lại nữa, lúc có ba mặt trời cùng xuất hiện. Khi ba mặt trời xuất hiện, tất cả dòng sông lớn đều khô cạn, không thể thường trụ. Do đó, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm, mà phải nhàm tởm ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm sự giải thoát.

“Lại nữa, có lúc bốn mặt trời cùng xuất hiện. Khi bốn mặt trời xuất hiện, các dòng suối lớn, từ đó phát nguyên năm con sông lớn của châu Diêm-phù: Một là Hằng-già; hai là Dao-vưu-na; ba là Xá-lao-phu; bốn là A-di-

la-bà-đề và năm là Ma-xí, các dòng cuối nguồn nước lớn ấy đều khô cạn cả, không thể thường trụ. Do đó các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa, các hành như vậy không nên tham đắm, mà phải nhàm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

“Lại nữa, có lúc năm mặt trời cùng xuất hiện. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, nước trong biển lớn sụt xuống một trăm do-diên; sụt dần đến bảy trăm do-diên. Khi năm mặt trời xuất hiện như vậy, biển có mực nước bảy trăm do-diên sụt dần đến một trăm do-diên. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, nước trong biển lớn sụt một cây Đa-la; sụt dần đến bảy cây Đa-la. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, những biển có mực nước bảy cây Đa-la sụt dần cho đến một cây Đa-la. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, nước biển giảm sụt đến mười người; sụt dần cho đến bảy người. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, những biển có mực nước bảy người giảm dần đến vai, đến lưng,

đến háng, đến đầu gối, đến mắt cá; cho đến lúc nước biển ráo hết không đủ chìm một ngón chân. Cho nên, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng thay đổi, pháp chẳng thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm, mà phải nhàm tởm, ghê sợ, tìm sự xả ly, tìm sự giải thoát.

“Lại nữa, có lúc sáu mặt trời xuất hiện. Khi sáu mặt trời cùng xuất hiện, tất cả đại địa, núi chúa Tu di, thủy đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Ví như thợ gốm lúc mới nhen bếp, tất cả đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Cho nên tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng thay đổi, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhàm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, tìm sự giải thoát.

“Lại nữa, có lúc bảy mặt trời xuất hiện. Khi bảy mặt trời xuất hiện, tất cả đại địa, núi chúa Tu di thủy đều phụt cháy bùng bùng,

tạo thành một ngọn lửa rực rỡ. Như vậy, khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, thì tất cả đại địa và núi chúa Tu di thảy đều phụt cháy bùng bùng tạo thành một ngọn lửa. Gió thổi ngọn lửa ấy vươn cho đến trời Phạm thiên. Lúc đó các vị trời Hoảng dục vừa mới sanh lên cõi này, không rõ thành bại của thế gian. Vì không biết sự thành bại của thế gian, khi thấy ngọn lửa vĩ đại, đều sợ hãi dựng lông mà suy nghĩ như thế này 'Lửa không đến đây được chăng? Lửa không đến đây được chăng?' Các vị trời sinh trước đều biết rõ sự thành bại của thế gian, đều đã thấy việc thành bại của thế gian. Do biết sự thành bại của thế gian, khi thấy ngọn lửa vĩ đại, liền an ủi các vị trời kia rằng: 'Chớ nên sợ hãi. Lửa cháy chỉ ngang đó, không thể lên đến đây được'.

“Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, núi chúa Tu di sụp lở, tán hoại, diệt tận, một trăm do-diên, hai trăm do-diên, ba trăm do-diên, cho đến bảy trăm do-diên. Khi bảy mặt trời

cùng xuất hiện, núi chúa Tu di và đại địa này cháy tan, hủy diệt, không còn tro than gì cả. Cũng như đốt dầu bơ, cháy cho tiêu hết không còn khói đen. Cũng vậy, khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, núi chúa Tu di và cõi đại địa này cháy không còn tro than. Cho nên, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng thay đổi, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhàm tởm, ghê sợ, tìm sự xả ly, tìm cầu giải thoát.

“Nay Ta nói cho các người biết, ai có thể tin được rằng: ‘Núi chúa Tu di sẽ sụp đổ?’ Chỉ có những người thấy được sự thật. Nay Ta nói cho các người biết, ai có thể tin được rằng: ‘Nước trong đại hải sẽ khô cạn tất cả?’ Chỉ có những người đã thấy sự thật. Nay Ta nói cho các người biết ai có thể tin rằng: ‘Tất cả đại địa đều cháy sạch?’ Chỉ có những người đã thấy sự thật. Vì sao vậy?

“Này các Tỳ-kheo, xưa có vị đại sư tên là Thiện Nhân được các tiên nhân ngoại đạo

tôn làm bậc thầy, đã xả ly dục ái, chứng như ý túc. Đại sư Thiện Nhân có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Đại sư Thiện Nhân dạy Phạm thế pháp cho các đệ tử. Khi đại sư Thiện Nhân dạy Phạm thế pháp cho các đệ tử, trong số các đệ tử có người phụng hành không đầy đủ pháp ấy. Người ấy sau khi mạng chung hoặc sanh lên cõi trời Tứ vương hoặc trời Tam thập tam, hoặc trời Diệm-ma, hoặc trời Đâu-suất-đà hoặc sanh lên trời Tha hóa, hoặc sanh lên trời Tha hóa lạc.

“Khi đại sư Thiện Nhân dạy Phạm thế pháp, nếu có người phụng hành đầy đủ pháp ấy, người ấy tu bốn Phạm thất, xả ly các dục, sau khi mạng chung người ấy sanh lên trời Phạm thiên. Lúc ấy đại sư Thiện Nhân nghĩ như vậy: ‘Ta không nên cùng với các đệ tử cùng sanh chung một nơi nào vào đời sau. Nay ta hãy tu thêm tăng thượng từ, sau khi tu tăng thượng từ rồi, mạng chung sẽ được sanh lên trời Hoảng dục’.

**“Đại sư Thiện Nhân liền sau đó tu thêm tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sanh lên trời Hoảng dục. Đại sư Thiện Nhân và các đệ tử học đạo không uống công, đạt được quả báo lớn.**

**“Này các Tỳ-kheo, các người nghĩ sao? Xưa kia đại sư Thiện Nhân được hàng tiên nhân ngoại đạo tôn kính là bậc thầy, xả ly dục ái, chứng như ý túc, các người cho là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Nên biết, đó là Ta vậy. Vào thời đó, Ta là Thiện Nhân đại sư, được tiên nhân ngoại đạo tôn kính là bậc thầy, xả ly dục ái, chứng như ý túc; lúc đó ta có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Ta dạy Phạm thế pháp cho các đệ tử. Khi Ta dạy Phạm thế pháp, trong số các đệ tử có người phụng hành không đầy đủ pháp ấy. Người ấy sau khi mạng chung hoặc sanh lên cõi trời Tứ vương hoặc trời Tam thập tam, hoặc trời Diệm-ma, hoặc trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh lên trời Tha hóa. Khi Ta dạy Phạm thế pháp, nếu có người phụng hành đầy đủ**

pháp ấy, người ấy tu bốn Phạm thất, xả ly các dục, sau khi mạng chung người ấy sanh lên trời Phạm thiên. Lúc đó Ta nghĩ như vậy: ‘Ta không nên cùng với các đệ tử cùng sanh chung một nơi nào vào đời sau. Nay ta hãy tu thêm tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sẽ được sanh lên trời Hoảng dục’. Sau đó, Ta lại tu thêm tăng thượng. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh lên trời Hoảng dục. Thời ấy Ta và các đệ tử học đạo không hư uổng, được quả báo lớn.

“Thời ấy Ta thân hành đạo này để lợi ích cho mình và lợi ích kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người, cảm thương thế gian, vì trời và người mà tìm cầu nghĩa, và sự lợi ích, tìm sự an ổn và khoái lạc. Lúc bấy giờ Ta nói pháp chưa đến chỗ rốt ráo; không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo phạm hạnh. Vì không rốt ráo phạm hạnh, nên bấy giờ Ta không xa lìa được, sanh, lão, bệnh, tử, than khóc, buồn rầu; cũng chưa thể thoát được tất cả khổ não.

“Này các Tỳ-kheo, Ta nay xuất hiện ở đời, là Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, gọi là Phật, là Đấng Chúng Hựu.

“Ta nay đã làm lợi ích cho chính mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi cho mọi người, cảm thương thế gian, vì trời và người mà tìm nghĩa và sự lợi ích, tìm sự an ổn khoái lạc. Nay Ta thuyết pháp đã đạt được chỗ rất ráo, rất ráo bạch tịnh, rất ráo phạm hạnh. Do rất ráo phạm hạnh, ta nay đã lìa khỏi sanh, lão, bệnh, tử, khóc than, buồn rầu. Nay Ta đã được giải thoát mọi khổ não”.

Đức Phật thuyết giảng như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

## 9. Kinh Thất Xa

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương xá, trong tinh xá Trúc lâm, cùng an cư mùa mưa với chúng Đại Tỳ-kheo.

Tôn giả Mãn Tử Tử cũng an cư mùa mưa tại sinh quán mình. Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo địa phương, sau khi đã trải qua ba tháng an cư mùa mưa, khâu vá lại các y đã xong, xếp y, cầm bát từ sinh quán đi về phía thành Vương xá. Lần lượt đi về phía trước, đến thành Vương xá, trú ở tinh xá Trúc lâm, tại thành Vương xá.

Bấy giờ các Tỳ-kheo địa phương tới trước Đức Thế Tôn, cúi đầu lễ bái rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Các Tỳ-kheo, các người từ đâu đến đây? An cư mùa mưa ở đâu?”

Các Tỳ-kheo địa phương ấy thưa rằng:

**“Bạch Thế Tôn, chúng con từ sinh quán tới đây và an cư mùa mưa tại sinh quán”.**

**Thế Tôn hỏi:**

**“Trong các Tỳ-kheo địa phương, Tỳ-kheo nào được các Tỳ-kheo khen ngợi rằng: ‘Tự mình thiếu dục, tri túc và khen ngợi thiếu dục, tri túc; tự mình nhàn cư và khen ngợi nhàn cư; tự mình tinh tấn và khen ngợi tinh tấn; tự mình chánh niệm và khen ngợi chánh niệm; tự mình nhất tâm và khen ngợi nhất tâm; tự mình có trí tuệ và khen ngợi trí tuệ; tự mình lậu tận và khen ngợi lậu tận; tự mình khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ và khen ngợi khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ’ chẳng?”**

**Các Tỳ-kheo địa phương bạch rằng:**

**“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Mãn Từ Tử ở nơi sinh quán của mình, được các Tỳ-kheo khen ngợi rằng: ‘Tự mình thiếu dục, tri túc và khen ngợi thiếu dục tri túc; tự mình nhàn cư và khen ngợi nhàn cư; tự mình tinh tấn và khen ngợi tinh tấn; tự mình chánh niệm và**

khen ngợi chánh niệm; tự mình nhất tâm và  
khen ngợi nhất tâm; tự mình có trí tuệ và  
khen ngợi trí tuệ; tự mình lâu tận và khen  
ngợi lâu tận; tự mình khuyến phát khát  
ngưỡng, thành tựu hoan hỷ và khen ngợi  
khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan  
hỷ’.”

Lúc bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử đang ngồi  
giữa đại chúng. Tôn giả Xá-lê Tử suy nghĩ  
như vậy: “Thế Tôn theo sự thật mà hỏi các  
Tỳ-kheo địa phương kia. Các Tỳ-kheo địa  
phương vô cùng khen ngợi Hiền giả Mãn Tử  
Tử, là người ‘Tự mình thiếu dục, tri túc và  
khen ngợi thiếu dục, tri túc; tự mình nhàn cư  
và khen ngợi nhàn cư; tự mình tinh tấn và  
khen ngợi tinh tấn; tự mình chánh niệm và  
khen ngợi chánh niệm; tự mình nhất tâm và  
khen ngợi nhất tâm; tự mình có trí tuệ và  
khen ngợi trí tuệ; tự mình lâu tận và khen  
ngợi lâu tận; tự mình khuyến phát khát  
ngưỡng, thành tựu hoan hỷ và khen ngợi

khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ’.”

Tôn giả Xá-lê Tử lại suy nghĩ: “Biết lúc nào tôi mới gặp Hiền giả Mãn Từ Tử để hỏi một vài nghĩa lý? Hiền giả ấy hoặc có thể nghe và trả lời những điều tôi hỏi”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn, sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa ở thành Vương xá, khô vá y xong, Ngài xếp y, ôm bát, từ thành Vương xá đi đến nước Xá-vệ, lần lượt tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ, trú trong rừng Thảng lâm, vườn Cấp cô độc.

Tôn giả Xá-lê Tử và các Tỳ-kheo địa phương cùng ở lại Vương xá vài ngày, rồi xếp y, ôm bát, đi đến nước Xá-vệ, lần lượt tiến về phía trước, đến nước Xá -vệ, cùng ở tại rừng Thảng lâm, vườn Cấp cô độc.

Lúc bấy giờ Tôn giả Mãn Từ Tử ở tại sinh quán mình, sau khi đã trải qua ba tháng an cư mùa mưa, đã khô vá lại các y, rồi xếp y, ôm bát, từ quê quán mình đi đến nước Xá-vệ, lần lượt tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ,

cùng ở trong rừng Thảng lâm, vườn Cấp cô độc.

Tôn giả Mãn Từ Tử đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu làm lễ, rồi trải Ni-sư-đàn phía trước Như Lai mà ngồi kiết già.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử hỏi các Tỳ-kheo rằng:

“Này chư Hiền, vị nào là Hiền giả Mãn Từ Tử?”

Các Tỳ-kheo bạch Tôn giả Xá-lê Tử:

“Xin thưa, vị ngồi trước Như Lai, trắng trẻo, mũi cao như mỏ chim Oanh vũ, là vị ấy”.

Tôn giả Xá-lê Tử đã biết đúng mặt Mãn Từ Tử, liền ghi nhớ kỹ. Tôn giả Mãn Từ Tử sau khi qua đêm, trời hừng sáng, xếp y, cầm bát, đi vào Xá-vệ để khát thực. Sau khi ăn trưa xong lại, khâu dọn y bát, rửa tay chân, vắt Ni-sư-đàn lên vai, đến rừng An-đà, chỗ đi kinh hành. Tôn giả Xá-lê Tử cũng sau khi qua đêm, trời hừng sáng, xếp y, cầm bát, đi vào Xá-vệ để khát thực. Sau khi ăn trưa xong

lại, thoa dọn y bát, rửa tay chân, vắt Ni-sư-đàn lên vai, đến rừng An-đà, chỗ đi kinh hành.

Bấy giờ Tôn giả Mãn Từ Tử đến rừng An-đà, trải Ni-sư-đàn dưới một gốc cây, ngồi kiết già. Tôn giả Xá-lê Tử cũng đến rừng An-đà, cách Tôn giả Mãn Từ Tử không xa, trải Ni-sư-đàn dưới một gốc cây ngồi kiết già.

Tôn giả Xá-lê Tử vào lúc xế chiều, rời chỗ thiền tọa, đi đến chỗ Mãn Từ Tử, cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên, và hỏi Tôn giả Mãn Từ Tử rằng:

“Này Hiền giả, phải chăng Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh?”

Đáp rằng:

“Đúng vậy”

“Này Hiền giả, vì lý do gì, có phải vì giới thanh tịnh nên ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?”

Đáp rằng:

**“Thưa, không phải vậy”.**

**“Vì tâm thanh tịnh, vì kiến thanh tịnh, vì nghi thanh tịnh, vì phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?”**

**Đáp: “Không phải vậy”**

**Lại hỏi:**

**“Tôi vừa hỏi Hiền giả rằng: ‘Phải chăng Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh?’ Hiền giả đáp: ‘Đúng vậy’. Rồi tôi hỏi Hiền giả: ‘Có phải vì giới thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?’ thì Hiền giả đáp: ‘Không phải vậy’; ‘Có phải vì tâm thanh tịnh, vì kiến thanh tịnh, vì nghi thanh tịnh, vì phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?’ thì Hiền giả cũng lại đáp rằng ‘Không phải vậy’. Nhưng theo ý nghĩa nào mà Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh?”**

**Đáp: “Này Hiền giả, vì Vô dư Niết-bàn vậy”.**

**Lại hỏi:**

**“Thế nào, này Hiền giả, có phải vì giới thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn chăng?”**

**“Đáp: “Không phải vậy”.**

**Lại hỏi:**

**“Vì vì tâm thanh tịnh, vì kiến thanh tịnh, vì nghi thanh tịnh, vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn chăng?”**

**“Đáp: “Không phải vậy”.**

**Lại hỏi:**

**“Tôi vừa hỏi Hiền giả, ‘Thế nào, này Hiền giả, có phải vì giới thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn chăng?’ Hiền giả đáp: ‘Không phải vậy’. ‘Vì tâm**

thanh tịnh, vì kiến thanh tịnh, vì nghi thanh tịnh, vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn chăng?” Vậy những điều Hiền giả nói có ý nghĩa gì? Làm thế nào để biết được?”

Đáp rằng:

“Này Hiền giả: Nếu vì giới thanh tịnh mà Thế Tôn, Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn, thì đó là lấy hữu dư mà gọi vô dư. Nếu vì tâm thanh tịnh, vì tri kiến thanh tịnh, vì nghi cái thanh tịnh, vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh mà Đức Thế Tôn Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn, thì tức là lấy hữu dư mà gọi là vô dư.

“Này Hiền giả, nếu là pháp đó mà Đức Thế Tôn thi thiết Vô dư Niết-bàn thì phạm phu cũng sẽ Bát-niết-bàn, bởi vì phạm phu cũng là pháp đó.

**“Này Hiền giả, nhưng vì giới thanh tịnh, nên tâm thanh tịnh; vì tâm thanh tịnh nên kiến thanh tịnh; vì kiến thanh tịnh nên nghi cái thanh tịnh; vì nghi cái thanh tịnh nên đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh; vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh nên đạo tích tri kiến thanh tịnh; vì đạo tích tri kiến thanh tịnh nên đạo tích đoạn trí thanh tịnh, nên Đức Thế Tôn Samôn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn.**

**“Hiền giả, xin hãy nghe thêm. Xưa, vua xứ Câu-tát-la là Ba-tư-nặc ở nước Xá-vệ, có việc ở Sa-kê-đế. Nhà vua suy nghĩ như vậy: ‘Dùng phương tiện gì để trong một ngày đi từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế được?’ Lại suy nghĩ như vậy: ‘Nay ta nên từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế, ở giữa đường đó, bố trí bảy cỗ xe’. Rồi thì, từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế, ở giữa đường đó, vua bố trí bảy cỗ xe. Bố trí bảy cỗ xe xong, từ Xá-vệ nhà vua đi đến cỗ xe thứ nhất, ngồi trên cỗ xe thứ nhất đi đến cỗ xe thứ hai. Rồi bỏ cỗ xe thứ nhất cỡi cỗ xe thứ hai đến xe thứ ba; bỏ cỗ xe thứ hai ngồi trên cỗ xe thứ ba đến cỗ xe**

thứ tư; bỏ cỗ xe thứ ba ngồi trên cỗ xe thứ tư đến cỗ xe thứ năm; bỏ cỗ xe thứ tư ngồi trên cỗ xe thứ năm đến cỗ xe thứ sáu; bỏ cỗ xe thứ năm ngồi trên cỗ xe thứ sáu đến cỗ xe thứ bảy; bỏ cỗ xe thứ sáu ngồi trên cỗ xe thứ bảy; trong một ngày là đến Sa-kê-đế.

“Sau khi làm việc xong ở Sa-kê-đế, ngồi trong chánh điện của nhà vua, với các đại thần vây quanh. Quần thần tâu rằng:

“Tâu Thiên vương, phải chăng chỉ trong một ngày mà Thiên vương đi từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế?

“Vua nói: Đúng vậy.

“Tâu Thiên vương, có phải Thiên vương cỡi cỗ xe thứ nhất mà trong một ngày đi từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế?

“Vua nói:

“Không phải vậy.

“Có phải Ngài cỡi cỗ xe thứ hai, cỗ xe thứ ba cho đến cỗ xe thứ bảy từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế?

**“Không phải vậy.**

**“Thế nào, này Hiền giả, nếu quần thần lại hỏi nữa, Ba-tư-nặc quốc vương xứ Câu-tát-la sẽ đáp thế nào? Có phải vua trả lời cho quần thần rằng:**

**“Ta ở Xá-vệ có việc ở Sa-kê-đế, ta nghĩ thế này: ‘Dùng phương tiện gì để trong một ngày đi từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế được?’ Lại suy nghĩ như vậy: ‘Nay ta nên từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế, ở giữa đường đó, bố trí bảy cỗ xe’. Rồi thì, từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế, ở giữa đường đó, ta bố trí bảy cỗ xe. Bố trí bảy cỗ xe xong, từ Xá-vệ ta đi đến cỗ xe thứ nhất, ngồi trên cỗ xe thứ nhất đi đến cỗ xe thứ hai. Rồi bỏ cỗ xe thứ nhất cỡi cỗ xe thứ hai đến cỗ xe thứ ba; bỏ cỗ xe thứ hai ngồi trên cỗ xe thứ ba đến cỗ xe thứ tư; bỏ cỗ xe thứ ba ngồi trên cỗ xe thứ tư đến cỗ xe thứ năm; bỏ cỗ xe thứ tư ngồi trên cỗ xe thứ năm đến cỗ xe thứ sáu; bỏ cỗ xe thứ năm ngồi trên cỗ xe thứ sáu đến cỗ xe thứ bảy; bỏ cỗ xe thứ sáu ngồi trên cỗ xe thứ bảy; trong một ngày là đến Sa-kê-đế.**

“Như vậy! Thưa Hiền giả, Ba-tư-nặc, vua xứ Câu-tát-la, trả lời câu hỏi của quần thần như vậy.

“Cũng vậy, thưa Hiền giả, vì giới thanh tịnh mà tâm thanh tịnh, vì tâm thanh tịnh nên trí kiến thanh tịnh, vì trí kiến thanh tịnh nên nghi cái thanh tịnh, vì nghi cái thanh tịnh, nên đạo phi đạo trí kiến thanh tịnh, vì đạo phi đạo trí kiến thanh tịnh nên đạo trí kiến thanh tịnh, vì đạo tích trí kiến thanh tịnh nên đạo tích đoạn trí thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên Thế Tôn thi thiết Vô dư Niết-bàn”.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử hỏi Tôn giả Mãn Từ Tử:

“Hiền giả tên là gì? Các vị phạm hạnh gọi Hiền giả như thế nào?”

Tôn giả Mãn Từ Tử trả lời rằng:

“Hiền giả, tôi hiệu là Mãn. Thân mẫu tôi tên Từ, do đó các vị phạm hạnh gọi tôi là Mãn Từ Tử”.

**Tôn giả Xá-lê Tử tán thán rằng:**

**“Lành thay! Lành thay! Tôn giả Mãn Từ Tử! Là đệ tử của Đức Như Lai, trí biện hoàn hảo, thông minh, quyết định, an lạc vô úy, thành tựu sự chế ngự, đạt đến đại biện tài, được phước cam lồ, ở trong cam lồ giới tự mình đã chứng ngộ, thành tựu và an trụ. Vì khi hỏi Hiền giả những ý nghĩa vô cùng sâu xa thầy đều được trả lời. Hiền giả Mãn Từ Tử, những người phạm hạnh sẽ được nhiều lợi ích, nếu gặp được Tôn giả Mãn Từ Tử, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Nay tôi cũng được lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Những người phạm hạnh nên quán y trên đầu để đội Hiền giả Mãn Từ Tử, vì để được nhiều lợi ích. Nay tôi cũng được nhiều lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái”.**

**Tôn giả Mãn Từ Tử hỏi Tôn giả Xá-lê Tử:**

**“Hiền giả tên gọi là gì? Các vị phạm hạnh gọi Hiền giả như thế nào?”**

**Tôn giả Xá-lê Tử trả lời rằng:**

“Tôi tự là Ưu-ba-đề-xá. Thân mẫu tôi là Xá-lê, nên những người phạm hạnh gọi tôi là Xá-lê Tử”.

Hiền giả Mãn Từ Tử tán thán rằng:

“Hôm nay tôi đã bàn luận với vị đệ tử ngang hàng Đức Thế Tôn mà không biết, cùng với bậc Đệ nhị tôn luận bàn mà không biết, cùng với bậc Đệ nhị tôn luận bàn mà không biết, cùng luận bàn với vị đệ tử tiếp tục vận chuyển pháp luân đã được vận chuyển mà không biết. Nếu tôi biết ngài là Xá-lê Tử thì tôi đã không trả lời nổi một câu, huống chi lại luận bàn sâu xa như thế. Lành thay! Lành thay! Tôn giả Xá-lê Tử, là đệ tử của Đức Như Lai, trí biện hoàn hảo, thông minh, quyết định, an lạc vô úy, thành tựu sự chế ngự, đạt đến đại biện tài, được phước cam lồ, ở trong cam lồ giới tự mình đã chứng ngộ, thành tựu và an trụ. Vì Hiền giả đã hỏi những ý nghĩa vô cùng sâu xa. Hiền giả Xá-lê Tử, những người phạm hạnh sẽ được nhiều lợi ích, nếu gặp được Tôn giả Xá-lê Tử,

tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Nay tôi cũng được lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Những người phạm hạnh nên quán y trên đầu để đội Hiền giả Xá-lê Tử, vì để được nhiều lợi ích. Nay tôi cũng được nhiều lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái”.

Hai vị Hiền giả khen ngợi nhau như vậy. Cùng khen ngợi nhau như vậy rồi, hoan hỷ phụng hành, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trở về chỗ nghỉ của mình.

## 10. Kinh Lậu Tận

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa ở Câu-lâu-sấu, tại đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm, đô ấp của Câu-lâu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Do tri, do kiến mà các lậu bị tận diệt chớ không phải do không tri, không kiến.

“Sao gọi là do tri, do kiến mà các lậu bị tận diệt? Đó là do có chánh tư duy và không chánh tư duy. Nếu không chánh tư duy thì dục lậu chưa sanh sẽ sanh; đã phát sanh liền tăng trưởng; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh sẽ phát sanh; đã phát sanh liền tăng trưởng. Nếu có chánh tư duy thì dục lậu chưa sanh sẽ không sanh, đã sanh liền tiêu diệt. Hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ không sanh; đã sanh liền tiêu diệt.

“Những người phạm phu ngu si, không được nghe chánh pháp, không được gặp bậc chơn tri thức, không biết thánh pháp, không

điều ngự thánh pháp không biết pháp như thật. Nếu không có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã phát sanh liền tăng trưởng; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ phát sanh; đã phát sanh liền tăng trưởng. Nếu có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã phát sanh liền tiêu diệt; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ không phát sanh; đã phát sanh liền tiêu diệt. Vì không biết pháp như thật do đó pháp không nên niệm lại niệm, pháp nên niệm lại không niệm. Vì pháp không nên niệm lại niệm, pháp nên niệm lại không niệm, nên dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã sanh liền tăng trưởng; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh liền phát sanh, đã sanh liền tăng trưởng.

“Thánh đệ tử đã văn được nghe Thánh pháp, được gặp bậc chơn tri thức, được điều ngự theo Thánh pháp, biết pháp như thật, nhưng nếu không có chánh tư duy, thì dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã sanh liền tăng trưởng; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh

liền phát sanh, đã sanh liền tăng trưởng. Nếu có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ không sanh, đã sanh liền tiêu diệt; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã sanh liền tiêu diệt. Sau khi biết pháp như thật, pháp không nên niệm thì không niệm, pháp nên niệm liền niệm. Vì không niệm pháp không nên niệm và pháp nên niệm liền niệm, nên dục lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã sanh liền tiêu diệt; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã sanh liền tiêu diệt.

“Có bảy sự đoạn trừ lậu, phiền não, pháp ưu sầu. Những gì là bảy? Có lậu được đoạn do kiến, có lậu được đoạn do hộ, có lậu được đoạn do ly, có lậu được đoạn do dụng, có lậu được đoạn do nhẫn, có lậu được đoạn do trừ, có lậu được đoạn do tư duy.

“Thế nào là lậu được đoạn do kiến? Kẻ phàm phu không được nghe chánh pháp, không gặp bậc chơn trí thức, không biết Thánh pháp, không điều ngự Thánh pháp,

không biết như thật về pháp, không có chánh tư duy nên suy nghĩ thế này: ‘Ta có đời quá khứ? Ta không có đời quá khứ? Do nhân duyên gì ta có đời quá khứ? Đời quá khứ ta như thế nào? Ta có đời vị lai? Ta không có đời vị lai? Do nhân duyên gì ta có đời vị lai? Ta có đời vị lai như thế nào?’ Người ấy hoài nghi về mình rằng: “Thân ta là gì, nó là thế nào? Nay chúng sanh này từ đâu đến, và sẽ đi về đâu? Trước kia do nhân gì mà có, và sẽ do nhân gì mà có?” Người kia khởi tư duy không chánh như vậy rồi, trong sáu tà kiến, một tà kiến khởi lên cho rằng ‘Quả thật có thần ngã’. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng ‘Quả thật không có thần ngã’. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng ‘Thần ngã thấy là thần ngã’. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng ‘Thần ngã thấy là phi thần ngã’. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng ‘Chính thần ngã ấy có thể thấy, có thể biết, có thể hành động, có thể sai khiến hành động, có thể đứng dậy, có thể sai khiến đứng dậy, sanh vào nơi này, nơi kia, thọ lãnh thiện báo,

ác báo; quyết không từ đâu đến, quyết không phải đã có, quyết không phải sẽ có'. Đó tẻ của kiến; bị kiến lay động, bị kết sử của kiến buộc chặt. Kẻ phàm phu ngu si vì thế mà phải chịu cái khổ của sanh, lão, bệnh, tử.

“Đa văn Thánh đệ tử được nghe Thánh pháp, gặp bậc chơn tri thức, được chế ngự theo Thánh pháp, biết pháp như thật, biết như thật về Khổ, biết Khổ tập, biết Khổ diệt và biết như thật Khổ diệt đạo. Biết như thật như thế rồi, ba kết tận trừ. Khi ba kết là thân kiến, giới thủ, và nghi đã trừ hết, chúng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa lạc ác pháp, chắc chắn thẳng tiến đến chánh giác, thọ sanh tối đa bảy đời trong thiên thượng và nhân gian. Sau bảy lần qua lại liền chúng đắc Khổ đế. Nếu không có tri kiến thì phát sanh phiền não, ưu sầu, có tri kiến thì không phát sanh phiền não, ưu sầu. Đó là lậu được đoạn trừ do kiến.

“Có lậu được đoạn trừ do hộ là gì? Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, nếu có phòng hộ nhãn

căn thì sẽ do chánh tư duy mà quán bất tịnh vậy; nếu không phòng hộ nhãn căn thì sẽ do không chánh tư duy mà quán là tịnh. Nếu không phòng hộ thì sanh phiền não, ưu buồn. Nếu có phòng hộ thì không sanh phiền não, ưu buồn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý biết pháp mà có phòng hộ ý căn, thì sẽ do chánh tư duy mà quán bất tịnh, nếu không phòng hộ ý căn thì sẽ do không chánh tư duy mà quán là tịnh. Nếu không phòng hộ thì sanh phiền não, ưu buồn, nếu có phòng hộ thì không sanh phiền não, ưu buồn. Đó là có lậu được đoạn trừ do hộ.

“Có lậu được đoạn trừ do ly là gì? Tỳ-kheo khi thấy voi dữ thì nên xa lánh, ngựa dữ, trâu dữ, chó dữ, rắn độc, đường hiểm, nhà tiểu, hầm hố, sông ngòi, suối sâu, vách núi, ác tri thức, ác bằng hữu, ác đệ đạo, chòm xóm xấu, nơi cư trú xấu, hoặc Tỳ-kheo ở chung một chỗ với các người phạm hạnh, người không nghi ngờ mà khiến nghi ngờ, là những trường hợp phải nên xa lánh. Hãy nên

xa lánh tất cả ác tri thức, ác bằng hữu, ác ngoại đạo, ác dị đạo, chòm xóm xấu, nơi cư trú xấu, hoặc Tỳ-kheo ở chung một chỗ với các người phạm hạnh, người không nghi ngờ mà khiến nghi ngờ. Nếu không xa lánh thì khởi sanh phiền não, ưu sầu. Nếu xa lánh thì không phát sanh phiền não, ưu sầu. Đó là lậu được đoạn trừ do ly.

“Có lậu được đoạn trừ do dụng là gì? Tỳ-kheo khi thọ dụng y phục, chẳng phải để cầu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, chẳng phải để trang sức, mà vì muỗi mòng, gió mưa, lạnh nóng và vì hổ thẹn. Khi thọ dụng đồ ăn uống chẳng phải vì mưu lợi, chẳng phải để trang sức, chẳng phải để mập béo mà vì để làm thân thể ở đời lâu dài, trừ phiền não, ưu buồn, vì để thực hành phạm hạnh, vì muốn để bệnh cũ tiêu trừ đừng sanh bệnh mới, và vì để sống lâu, an ổn, không bệnh hoạn. Khi thọ dụng nhà cửa, phòng xá, giường nệm, ngọa cụ, không phải để kiêu hãnh, chẳng phải để trang sức, mà vì để lúc mệt mỏi có

noir an nghi, để được tĩnh tọa. Khi thọ dụng thuốc thang không phải để mưu lợi, không phải để kiêu hãnh, không phải để mập béo, mà chỉ để trừ bệnh hoạn, để điều hòa mạng căn, để an ổn không bệnh. Nếu không thọ dụng những thứ ấy thì sẽ sanh phiền não, sầu lo, còn thọ dụng thì không sanh phiền não sầu lo. Đó là hữu lậu được đoạn trừ do dụng.

“Có lậu được đoạn trừ do nhân là gì? Tỳ-kheo tinh tấn đoạn trừ ác, bất thiện, tu tập thiện pháp, nên luôn luôn có ý tưởng trôi dạt, chuyên tâm tinh tấn; thân thể, da, thịt, gân, xương, máu, tủy, thà để khô kiệt tất cả chớ không bỏ tinh tấn. Phải đạt được mục đích mong muốn mới xả sự tinh tấn. Tỳ-kheo lại phải chịu đựng sự đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi, bọ chét, chấy, dù gió hay nắng bức bách, bị lời dữ, bị đánh đập, cũng đều có thể nhẫn chịu được. Dù thân mạng bệnh tật rất là đau đớn đến nỗi gần muốn tuyệt mạng, và những điều không thể ưa vui được, tất cả

đều chịu đựng được. Nếu không nhẫn chịu thì sanh phiền não, ưu buồn, còn nhẫn chịu được thì không sanh phiền não ưu buồn. Đó là lậu được đoạn trừ do nhẫn.

“Có lậu được đoạn trừ do trừ là gì? Tỳ-kheo nếu sanh khởi dục niệm mà không đoạn trừ, hay xả ly; sanh nhuế niệm, hại niệm mà không đoạn trừ xả ly. Nếu không trừ diệt thì sanh khởi phiền não, ưu buồn; còn nếu trừ diệt thì không sanh phiền não, ưu buồn. Đó là lậu được đoạn trừ do trừ.

“Có lậu được đoạn trừ do tư duy là gì? Tỳ-kheo tư duy về giác chi thứ nhất là niệm, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, thẳng đến xuất yếu; trạch pháp, tinh tấn, hỷ, tức, định, cho đến tư duy về giác chi thứ bảy là xả, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, thẳng đến xuất yếu; nếu không tư duy thì sanh phiền não, ưu sầu, còn có tư duy thì không sanh phiền não ưu sầu. Đó là lậu được đoạn trừ do tư duy.

“Nếu có Tỳ-kheo nào do kiến mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi kiến; do hộ mà

đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi hộ; do ly mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi ly; do dụng mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi dụng; do nhãn mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi nhãn; do trừ mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi trừ; do tư duy mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi tư duy. Đó gọi là Tỳ-kheo đã đoạn trừ tất cả lậu, đã giải trừ các kết phược, có thể bằng chánh trí mà chứng đắc Khổ đế”.

Đức Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành./.

